

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/KDTM-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Hằng Huệ**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 72/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2020/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2020/QĐST-HPT ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu (gọi tắt là GPBank)**. Trụ sở: phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh H theo Quyết định nhiệm vụ số 819/2020/QĐ-HĐTV ngày 04 tháng 8 năm 2020. Ông Trần Quang H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Ngọc T và ông Trương Chí H theo Giấy ủy quyền lại số 13/2020/UQ-HNO ngày 20/8/2020. Ông Thanh có mặt.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1975 và bà **Vũ Thúy H**, sinh năm 1976. Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 607A đường Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận B, thành phố H và nơi cư trú: Phòng 1604 Tòa B chung cư 671 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận B, thành phố H. Ông D, bà H vắng mặt lần thứ hai liên tiếp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu (gọi tắt là GPBank) do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc Thanh trình bày:***

Ngày 21/10/2010, Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu (nay là Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu) ký Hợp đồng tín dụng số: 0121/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 21/10/2010 với ông Nguyễn Đức D và vợ là bà Vũ Thúy H, nội dung cụ thể như sau: Số tiền cho vay: **3.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn). Thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân tiền vay đầu tiên. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thửa đất số 24(1), tờ bản đồ số 2 tại thôn Phú Đô, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố H. Lãi suất cho vay: Lãi suất thỏa thuận 16 (mười sáu) %/năm. Lãi suất cho vay tính trên cơ sở 360 ngày. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần vào ngày mùng 05, biên độ điều chỉnh lãi suất 4,5%/năm.

Tài sản bảo đảm là: Thế chấp 02 tài sản bảo đảm như sau: Nhà và đất tại tổ 2 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố H thuộc sở hữu của ông Nguyễn Vũ Thành, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AG 551265, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: số GCN: 1164/2006/QĐ-UB (1859/2006), MS: 10127371475 do Ủy ban nhân dân quận Long Biên, thành phố H cấp ngày 08/08/2006; 01 xe ô tô Lexus RX 350, BKS: 30T– 8901, đăng ký xe số 153608 do Phòng CSGT Công an thành phố H cấp ngày 22/09/2009 đứng tên Công ty cổ phần thương mại và đầu tư khoáng sản Trung Ngọc.

Trong quá trình giải quyết khoản vay, thời điểm đầu tháng 11/2011, vợ chồng ông D bà H có thanh toán cho GPBank một phần tiền để giải chấp tài sản là: 01 xe ô tô Lexus RX 350, BKS: 30T– 8901, đăng ký xe số 153608 do Phòng CSGT Công an thành phố H cấp ngày 22/09/2009 đứng tên Công ty cổ phần thương mại và đầu tư khoáng sản Trung Ngọc, tháng 3/2012, khách hàng trả một phần nợ gốc quá hạn số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn), tháng 7/2012 khách hàng tiếp tục trả một phần nợ gốc quá hạn số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng chẵn), sau đó khách hàng không thanh toán số tiền nợ gốc, lãi quá hạn còn lại cho GPBank.

Sau nhiều lần làm việc, đôn đốc, nhắc nợ khách hàng, đến thời điểm đầu tháng 12/2017 vợ chồng ông D bà H lên Ngân hàng làm việc và thống nhất bàn giao tài sản bảo đảm còn lại là: Nhà và đất tại tổ 2 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố H thuộc sở hữu của ông Nguyễn Vũ Thành theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AG 551265, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: số GCN: 1164/2006/QĐ-UB (1859/2006), MS: 10127371475 do Ủy ban nhân dân quận Long Biên, thành phố H cấp ngày 08/08/2006 cho GPBank để GPBank tiến hành bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ quá hạn cho Ngân hàng. Ngày 13/12/2017 GPBank đã tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật và của GPBank để bán đấu giá tài sản nêu trên. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá

GPBank đã thu vào Nợ gốc quá hạn và một phần nợ lãi quá hạn. Số tiền Nợ lãi quá hạn còn lại, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với GPBank, nhưng đến nay khách hàng không thực hiện và có biểu hiện chây ỳ, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ của mình. Dư nợ tạm tính đến hết ngày 16/07/2019, cụ thể như sau: Nợ gốc quá hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 1.989.268.080 đồng. Tổng số tiền là: 1.989.268.080 đồng.

Nay Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu kính đề nghị Toà án Nhân dân quận B, thành phố H giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Ông Nguyễn Đức D và vợ là bà Vũ Thúy H phải thanh toán ngay cho GPBank tổng số tiền lãi tạm tính đến hết ngày 16/07/2019 theo Hợp đồng tín dụng số: 0121/HĐTD/GPB-SGD/10 ký ngày 21/10/2010 là: 1.989.268.080 đồng.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông D, bà H. Tuy nhiên, ông D, bà H vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được cũng như không hòa giải được cho các đương sự.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1975 và bà Vũ Thúy H, sinh năm 1976. Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Vĩnh Phúc, quận B, thành phố H và nơi cư trú: phường Vĩnh Phúc, quận B, thành phố H. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của BLTTDS sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các

đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 BLTTDS.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Đối với những người tham gia tố tụng khác: Không có.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hình thức hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy quyền, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh, đăng ký tài sản thế chấp, định giá tài sản thế chấp, khế ước nhận nợ được các bên ký kết theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông D, bà H trả cho GPBank số tiền nợ lãi: 901.761.686 đồng. Không chấp nhận đối với phần lãi còn lại theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu yêu cầu ông Nguyễn Đức D và bà Vũ Thúy H thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu là số tiền: 1.087.506.394 (một tỉ không trăm tám mươi bảy triệu năm trăm linh sáu nghìn ba trăm chín mươi tư) đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 0121/HĐTD/GPB-SGD/10 ký ngày 21/10/2010.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ ba liên tiếp không có lý do và cũng không ủy quyền cho bất cứ ai tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa GPBank với ông D, bà H, mục đích vay để: thanh toán tiền mua thửa đất số 24(1), tờ bản đồ số 2 tại thôn Phú Đô, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố H. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Đức D và bà Vũ Thúy H có Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 607A đường Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận B, thành phố H và nơi cư trú: Phòng 1604 Tòa B chung cư 671 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc,

quận B, thành phố H. Do ông D, bà H không thanh toán được khoản nợ cho GPbank khi đến hạn trả nợ. Do vậy, GPbank đã khởi kiện ông D bà H đến Tòa án nhân dân quận B, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông D, bà H phải thanh toán trả GPbank toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 425 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận B thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số: 0121/HĐTD/GPB-SGD/10 ký ngày 21/10/2010, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho người thứ ba vay vốn được ký tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm, thành phố H giữa Ông D, bà H và GPBank. Ngay sau khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, GPBank đã giải ngân cho Ông D, bà H tổng số tiền là: **3.000.000.000 đồng** cụ thể qua Khế ước nhận nợ số 01.0121/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 21/10/2010.

Tài sản đảm bảo: Nhà và đất tại tổ 2 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố H thuộc sở hữu của ông Nguyễn Vũ Thành theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AG 551265, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: số GCN: 1164/2006/QĐ-UB (1859/2006), MS: 10127371475 do Ủy ban nhân dân quận Long Biên, thành phố H cấp ngày 08/08/2006; 01 xe ô tô Lexus RX 350, BKS: 30T – 8901, đăng ký xe số 153608 do Phòng CSGT Công an thành phố H cấp ngày 22/09/2009 đứng tên Công ty cổ phần thương mại và đầu tư khoáng sản Trung Ngọc. Việc ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được ông Thành đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp ngày 21/10/2010 và đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Long Biên chứng nhận việc thế chấp ngày 21/10/2010. Đồng thời việc ông Thành ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Vì vậy việc ông Thành dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Ông D, bà H theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, hợp đồng thế chấp này là hợp pháp nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với GPBank nên toàn bộ dư nợ của khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Sau nhiều lần làm việc, đôn đốc, nhắc nợ khách hàng, đến thời điểm đầu tháng 12/2017 vợ chồng ông D bà H lên Ngân hàng làm việc và thống nhất bàn giao tài sản bảo đảm còn lại là: Nhà và đất tại tổ 2

phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố H thuộc sở hữu của ông Nguyễn Vũ T theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AG 551265, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: số GCN: 1164/2006/QĐ-UB (1859/2006), MS: 10127371475 do Ủy ban nhân dân quận Long Biên, thành phố H cấp ngày 08/08/2006 cho GPBank để GPBank tiến hành bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ quá hạn cho Ngân hàng. Ngày 13/12/2017 GPBank đã tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật và của GPBank để bán đấu giá tài sản nêu trên. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá GPBank đã thu vào Nợ gốc quá hạn và một phần nợ lãi quá hạn. Số tiền Nợ lãi quá hạn còn lại, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với GPBank, nhưng đến nay khách hàng không thực hiện và có biểu hiện chây ỳ, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ của mình. Dư nợ tạm tính đến hết ngày 16/07/2019, cụ thể như sau: Nợ gốc quá hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 1.989.268.080 đồng. Tổng số tiền là: 1.989.268.080 đồng.

Xét thấy hợp đồng tín dụng ký kết giữa GPBank và ông D, bà H là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và hình thức hợp pháp, có hiệu lực giữa hai bên. Việc ông D, bà H không trả được gốc và lãi theo đúng kỳ hạn thỏa thuận là vi phạm hợp đồng. GPBank khởi kiện là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn:

Tại khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng; Điều 3 của Khế ước nhận nợ quy định:

“Lãi suất thỏa thuận 16 (mười sáu) %/năm. Lãi suất cho vay tính trên cơ sở một năm 360 ngày. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần và ngày mùng 05, biên độ điều chỉnh lãi suất 4,5%/năm. Mức lãi suất áp dụng có thể được thay đổi phù hợp với chính sách lãi suất của GPBank trong từng thời kỳ trên cơ sở thông báo bằng văn bản của GPBank”;

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các hợp đồng tín dụng hạn mức là chưa phù hợp với pháp luật và chưa phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định về lãi suất: *“Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”*. Việc giải chấp tài sản thế chấp không làm phát sinh thêm lãi kể từ ngày giải chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó buộc ông D, bà H phải trả cho GPBank số tiền nợ lãi: 901.761.686 đồng.

- Về án phí sơ thẩm: GPBank phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 342, 343, 348, 355; Điều 425; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”.

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu yêu cầu ông Nguyễn Đức D và bà Vũ Thúy H thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu toàn bộ nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số: 0121/HĐTD/GPB-SGD/10 ký ngày 21/10/2010.

Không chấp nhận đối với phần lãi còn lại theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu yêu cầu ông Nguyễn Đức D và bà Vũ Thúy H thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu là số tiền: 1.087.506.394 (một tỉ không trăm tám mươi bảy triệu năm trăm linh sáu nghìn ba trăm chín mươi tư) đồng.

- Xác nhận ông Nguyễn Đức D và bà Vũ Thúy H còn nợ Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 0121/HĐTD/GPB-SGD/10 ký ngày 21/10/2010 là: 901.761.686 (Chín trăm linh một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi sáu) đồng.

- Buộc ông Nguyễn Đức D và bà Vũ Thúy H phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu số tiền nợ lãi là: 901.761.686 (Chín trăm linh một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi sáu) đồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đức D và bà Vũ Thúy H phải chịu 39.052.850 (Ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: **44.625.191** (Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm chín mươi mốt) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **35.800.000** (Ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0024532 ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu còn phải nộp **9.625.191** (Chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm chín mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung